

Số: 2881 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 26 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2012

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước năm 2012;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1311/TTr-SKHĐT ngày 26 tháng 12 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2012 thuộc nguồn vốn cân đối cho ngân sách địa phương cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện (Hệ thống kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2012 thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Bố trí vốn theo đúng quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, văn bản số 7356/BKHĐT-TH ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực nông nghiệp, giao thông, giáo dục, y tế, quốc phòng - an ninh.

3. Bố trí vốn dự án theo nguồn vốn, theo cơ cấu Trung ương giao về giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ và theo thứ tự ưu tiên sau:

3.1 Tập trung bố trí vốn cho các dự án hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa bố trí đủ vốn. Nếu không đủ vốn thì sắp xếp theo thứ tự ưu tiên. Các dự án hoàn thành đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, các dự án hoàn thành từ tháng 01 năm 2011 đến ngày

31 tháng 10 năm 2011, các dự án dự kiến hoàn thành từ tháng 11 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

3.2. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2012 và vốn đối ứng ODA.

3.3. Số vốn còn lại (nếu có) bố trí cho một số dự án chuyển tiếp và một số dự án mới thực sự cấp bách. Đối với dự án mới phải có đủ thủ tục đầu tư gồm: quyết định đầu tư, thiết kế, dự toán được phê duyệt trước ngày 25 tháng 10 năm 2011.

4. Từ năm 2012, tất cả các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khối lượng theo mức vốn kế hoạch được giao để không gây nợ xây dựng cơ bản (không được triển khai khi chưa có kế hoạch vốn, không xử lý trả chậm...).

Mức bố trí vốn cho các dự án khởi công mới năm 2012 phải đảm bảo nguyên tắc tổng số vốn bố trí cho từng dự án mới so với tổng mức đầu tư dự án đảm bảo tối thiểu 15% đối với dự án nhóm A, 20% đối với dự án nhóm B và 35% với dự án nhóm C (nhằm tránh dàn trải vốn và đảm bảo bố trí vốn cho công trình nhóm B không quá 5 năm, nhóm C không quá 3 năm).

Việc cấp phát, ứng vốn ngân sách nhà nước cho các dự án trong kế hoạch phải căn cứ vào khối lượng thực hiện. Dự án chưa có khối lượng thực hiện (mới) chỉ tạm ứng tối đa 30% kế hoạch vốn giao. Việc cấp phát hoặc ứng chi tiếp chỉ được thực hiện sau khi thanh toán khối lượng hoàn thành (có khối lượng nghiệm thu).

5. Đối với các công trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ theo mục tiêu từ ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia sẽ căn cứ vào mục tiêu thực hiện, nguồn cân đối từ Trung ương và cơ chế thực hiện trong giai đoạn 2012 - 2015 để phân bổ cho các huyện, thị xã và các Sở, ngành khi có Quyết định giao vốn của Trung ương.

Điều 3. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:

1. Triển khai kế hoạch vốn xây dựng cơ bản năm 2012 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các đơn vị, chủ đầu tư trực thuộc (sau khi đã thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp), báo cáo kết quả giao vốn về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 01 năm 2012.

2. Việc triển khai giao kế hoạch vốn phải đảm bảo đúng cơ cấu về nguồn vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và khả năng huy động của địa phương, đảm bảo các nguyên tắc nêu tại Điều 2 của Quyết định này. Bố trí vốn phải đảm bảo tối thiểu cơ cấu được giao cho các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, khoa học và công nghệ để đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đề ra và chủ động bố trí vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư các công trình dự kiến thực hiện trong năm 2013 và các năm tiếp theo.

3. Bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải đảm bảo đúng tính chất nội dung, không bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các công trình phải sử dụng nguồn vốn sự nghiệp như các công trình cải tạo, sửa chữa, mở rộng, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có.

4. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2011 sang năm 2012 ngay từ đầu năm với mục tiêu hoàn thành trong năm 2012.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBTVQH, Chính phủ ;
- VPQH, VPCP, Bộ KH&ĐT, Bộ TC;
- CT, PCT và TV UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT (Nghĩa: 26.12).



Trương Tấn Thiệu

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2012 - TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2881 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	DANH MỤC	Số, ngày, tháng, năm QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH 2012			CHỦ ĐẦU TƯ
				TỔNG CỘNG	Trong đó		
					Vốn XDCB tập trung	Thu từ XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG (A + B)			596.030	416.030	180.000	
A	VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ			350.880	170.880	180.000	
	Không tính tiền sử dụng đất và hỗ trợ DN						
A1	TRẢ NỢ VAY			38.600	38.600		
	Vay Chương trình KCH kênh mương , CSHT			38.600	38.600		
A2	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			15.000	15.000		
A3	VỐN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ			297.280	117.280	180.000	
I	CÔNG NGHIỆP			4.800	4.800		
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			4.800	4.800		
1	GTĐB xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân 38,5 ha	1022/QĐ-UBND ngày 04/5/2010; 3902/QĐ-UBND ngày 16/9/2010	15.697	1.800	1.800		Ban QL khu kinh tế
2	GTĐB xây dựng công chính, mở rộng đường trục chính KCN Chơn Thành	3489/QĐ-UBND ngày 09/12/2009	35.488	3.000	3.000		Ban QL khu kinh tế
II	NÔNG NGHIỆP			7.700	7.700		
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			7.700	7.700		
1	Hệ thống thủy lợi Suối Cam 2	886/QĐ-UB 23/4/04; 1641/QĐ-UBND 15/6/09	14.727	1.200	1.200		Sở NN và PTNT
2	Hệ thống thủy lợi Ba Veng	2896/QĐ-UBND ngày 29/12/2008; 3020/QĐ-UBND 29/12/2010	43.039	2.500	2.500		Sở NN và PTNT

STT	DANH MỤC	Số, ngày, tháng, năm QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH 2012			CHỦ ĐẦU TƯ
				TỔNG CỘNG	Trong đó		
					Vốn XDCB tập trung	Thu từ XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Dự án đầu tư sản xuất giống cây Ca cao và Cao su giai đoạn 2009-2010.	736/QĐ-UBND ngày 10/4/08; 1156/QĐ-UBND 18/5/2010	11.353	4.000	4.000		Trung tâm khuyến nông, khuyến ngư
III	GIAO THÔNG			64.100	64.100		
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>59.100</i>	<i>59.100</i>		
1	Đường Lý Thường Kiệt	2055/QĐ-UBND 2/10/2008	9.500	1.400	1.400		Sở GT - VT
2	XD 3 cầu trên đường Đồng Phú - Bình Long	1923/QĐ-UBND, 14/9/07	27.288	2.500	2.500		Sở GT - VT
3	Đường vòng quanh hồ Suối Cam - GĐ 2	230/QĐ-UBND, ngày 23/01/09	71.500	3.000	3.000		Sở GT - VT
4	XD 3 cầu trên đường Sao Bọm - Đăng Hà	930/QĐ-UBND, 13/4/2009	20.360	1.200	1.200		Sở GT - VT
5	Thảm BT nhựa ĐT 760 đoạn Minh Hưng - Bom Bo	2163/QĐ-UBND, 6/8/09; DC 2167 ngày 30/9/2011. Dài 14 km	97.374	18.000	18.000		Sở GT - VT
6	Đường vòng quanh hồ Suối Cam nối dài ra ĐT 741 (đoạn từ cuối DA đường vòng quanh hồ Suối Cam đến Km 74 + 200 Đt 741)	1190/QĐ-UBND 24/5/2010; 1774/QĐ-UBND 28/7/2010	26.054	6.000	6.000		Sở GT - VT
7	Đường Lê Quý Đôn - TX. Đồng Xoài	910/QĐ-UBND ngày 16/8/2010	48.682	3.000	3.000		UBND thị xã Đồng Xoài
8	Đường Tà Thiết - Hoa Lư (GĐ 1), huyện Lộc Ninh	1278/QĐ-UBND 03/6/2010	14.924	4.000	4.000		UBND huyện Lộc Ninh
9	GTĐB đường Đồng Xoài - Cây Chanh	1926/QĐ-UBND 16/8/2010	253.831	10.000	10.000		Sở GT - VT
10	GTĐB đường Đồng Phú - Bình Dương	1081/QĐ-UBND 11/5/2010	199.000	5.000	5.000		Sở GT - VT
11	GTĐB đường QL 14 Đồng Xoài - Chơn Thành	2069/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	60870	5.000	5.000		Sở GT - VT
	<i>Công trình khởi công mới</i>			<i>5.000</i>	<i>5.000</i>		

STT	DANH MỤC	Số, ngày, tháng, năm QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH 2012			CHỦ ĐẦU TƯ
				TỔNG CỘNG	Trong đó		
					Vốn XDCB tập trung	Thu từ XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Cầu sông Măng	1806/QĐ-UBND, 3/8/2011	11.940	5.000	5.000		Sở GT - VT
IV	<u>HA TÀNG ĐÔ THỊ</u>			11.000	11.000		
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>11.000</i>	<i>11.000</i>		
1	Xây dựng đường và hệ thống thoát nước QL14 (đoạn đường Lê Quý Đôn từ QL14 đến đường Phú Riềng Đỏ và đường QH số 20 đoạn từ đường Hùng Vương đến TTTM thị xã Đồng Xoài)	1342/QĐ-UBND 18/5/09	46.969	10.000	10.000		Sở Xây dựng
2	Tuyến ống cấp nước dọc Ql 14 (đoạn mở rộng QL 14 từ km 113 + 879 - km 115 + 886 và km 121 + 102 - km 122 + 149), thị xã Đồng Xoài	1343/QĐ-UBND ngày 18/5/2009	4.365	1.000	1.000		Công ty cấp thoát nước Bình Phước
V	<u>GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</u>			109.500		109.500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>35.500</i>		<i>35.500</i>	
1	Trường THPT Trần Phú - huyện Bình Long	2865; 24/12/2008	29.737	6.000		6.000	Sở GD - ĐT
2	Trường THPT Lộc Thái - huyện Lộc Ninh	1564; ngày 7/8/2008; 1919 ngày 16/8/2010	33.400	4.000		4.000	Sở GD - ĐT
3	Trường THPT Lê Quý Đôn, huyện Bù Đăng	2462; ngày 4/12/2007; 2066 ngày 6/9/2010	24.942	2.000		2.000	UBND huyện Bù Đăng
4	Xây dựng khối phòng học, phòng bộ môn trường THPT chuyên Quang Trung	2543 ngày 5/10/2009 và 368 ngày 18/02/2011	11.700	2.000		2.000	Trường THPT chuyên Quang Trung
5	Trung tâm giáo dục lao động tạo việc làm Minh Lập	1460; 24/7/2008	28.834	3.000		3.000	Sở LĐ-TBXH
6	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm đào tạo lái xe, lái máy chuyên dùng Trường trung cấp nghề Tôn Đức Thắng	169; 20/1/2010	3.735	2.000		2.000	Trường trung cấp nghề Tôn Đức Thắng
7	Xây dựng Trường cấp 2, 3 Nha Bích, huyện Chơn Thành (các hạng mục còn lại)	3086; 4/11/2009	6.820	3.500		3.500	Sở GD - ĐT

STT	DANH MỤC	Số, ngày, tháng, năm QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH 2012			CHỦ ĐẦU TƯ
				TỔNG CỘNG	Trong đó		
					Vốn XDCB tập trung	Thu từ XSKT	
1		3	4	5	6	7	8
8	Đổi ứng dự án SEQAP			1.000		1.000	
9	Đổi ứng vốn TPCP Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên			10.000		10.000	
10	Thanh toán khối lượng các công trình quyết toán			2.000		2.000	X
	Công trình khởi công mới			74.000		74.000	
1	Trường THPT chuyên thị xã Bình Long	2019; 06/9/2011	106.600	30.000		30.000	UBND thị xã Bình Long
2	Trường THPT Đồng Tiến, huyện Đồng Phú	2305; 25/10/2011	39.285	8.000		8.000	Sở GD - ĐT
3	Khởi hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Chu Văn An, huyện Chơn Thành	2476; 27/10/2010	4.324	3.000		3.000	Sở GD - ĐT
4	Xây dựng khối phòng học bộ môn và hạ tầng kỹ thuật Trường cấp II-III Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng	2474; 27/10/2010	7.690	4.000		4.000	Sở GD - ĐT
5	Khởi phòng học bộ môn Trường THPT Đồng Phú	2399; 18/10/2010	5.869	3.300		3.300	Sở GD - ĐT
6	Nâng cấp trường Chính trị tỉnh			3.000		3.000	Trường Chính trị tỉnh
7	Xây dựng 18 phòng học Trường THPT Bù Đăng	2482; 27/10/2010	9.780	5.000		5.000	Sở GD - ĐT
8	GTĐB mở rộng trường THPT chuyên Quang Trung			8.000		8.000	Sở GD - ĐT
9	Xây dựng KTX trường THPT chuyên Quang Trung	2635/QĐ-UBND ngày 16/11/2010	11.967	3.700		3.700	Trường THPT chuyên Quang Trung
10	Khởi hiệu bộ, phòng bộ môn và hạ tầng kỹ thuật Trường cấp II-III Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	2467; 27/10/2010	12.401	6.000		6.000	Sở GD - ĐT
VI	Y TẾ			7.000		7.000	
	Công trình chuyển tiếp			2.000		2.000	
1	Đầu tư các trạm xá xã	2018; 27/9/2007	20.430	2.000		2.000	Sở Y tế
	Công trình khởi công mới			5.000		5.000	
1	Khoa xét nghiệm Trung tâm y tế dự phòng tỉnh	1478; 24/6/2011	5.039	5.000		5.000	Trung tâm Y tế dự phòng
VII	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ			18.000		18.000	

STT	DANH MỤC	Số, ngày, tháng, năm QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH 2012			CHỦ ĐẦU TƯ
				TỔNG CỘNG	Trong đó		
					Vốn XDCB tập trung	Thu từ XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
VIII	VĂN HÓA - XÃ HỘI		172.049	45.500		45.500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		5.594	17.500		17.500	
1	Trung tâm phát thanh và truyền hình Bà Rịa	3679; 25/12/2009	5.594	4.000		4.000	Đài PTTH tỉnh
2	Đường trục chính Đ1, đường Đ2, quảng trường, công, vỉa hè, điện chiếu sáng, cây xanh Đ1 thuộc trung tâm thuộc TT TDDT tỉnh	33 ngày 6/1/2010; 209 ngày 24/1/2010; 210 ngày 22/1/2010; 1072 ngày 15/5/2010	17.788	5.000		5.000	Sở VH - TT và DL:
3	Dự án khu bảo tồn văn hóa dân tộc Stiêng-Sóc Bom Bo	1669; 15/7/2010	198.000	8.500		8.500	Ban QLDA khu bảo tồn VHDT Stiêng-Sóc Bom Bo
	<i>Công trình khởi công mới</i>		166.455	28.000		28.000	
1	Trung tâm Văn hóa, Thư viện, Bảo tàng tỉnh	1118; 17/5/2010	163.000	25.000		25.000	Sở VH - TT và DL:
2	Hệ thống Vi ba lưu động Đài phát thanh truyền hình tỉnh	2486; 17/11/2008	3.455	3.000		3.000	Đài PTTH tỉnh
IX	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			14.800	14.800		
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			14.800	14.800		
1	Trụ sở Sở Tài nguyên & Môi trường	2370/QĐ-UBND ngày 04/11/08	8.904	2.000	2.000		Sở Tài nguyên - MT
2	Trụ sở tiếp công dân tỉnh Bình Phước	2117; 31/7/2009	4.734	1.000	1.000		Văn phòng UBND tỉnh
3	Nhà công vụ UBND tỉnh Bình Phước	1525; 13/12/2009	3300	1.000	1.000		Văn phòng UBND tỉnh
4	Trụ sở làm việc Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp & PTNT	152/QĐ-SKHĐT ngày 08/02/2010	2.448	1.300	1.300		Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp & PTNT
5	Trụ sở ngành NN&PTNT	1092/QĐ-UBND ngày 02/6/05; 2891/QĐ-UBND ngày 14/10/09; 2173/QĐ-UBND ngày 03/10/2011	25.753	7.000	7.000		Sở NN và PTNT
6	Trung tâm lưu trữ tỉnh ủy	2335; 12/10/2010	13.410	2.500	2.500		Văn phòng Tỉnh ủy
X	QUỐC PHÒNG - AN NINH		33.030	8.000	8.000		

STT	DANH MỤC	Số, ngày, tháng, năm QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH 2012			CHỦ ĐẦU TƯ
				TỔNG CỘNG	Trong đó		
					Vốn XD CB tập trung	Thu từ XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		5.000	3.000	3.000		
1	Trạm xá K23	903/QĐ-SKHĐT ngày 18/8/2010	5.000	3.000	3.000		Bộ CH quân sự tỉnh
	<i>Công trình khởi công mới</i>		28.030	5.000	5.000		
1	Hỗ trợ Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ CA	3013/QĐ-H11-H16 ngày 28/7/2009 của Bộ CA	28.030	5.000	5.000		Công an tỉnh
XI	TTKL CÁC CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN			6.880	6.880	-	
B	VỐN PHÂN CẤP CHO CÁC HUYỆN THỊ			245.150	245.150		
I	THỊ XÃ ĐỒNG XÒAI			53.795	53.795		UBND thị xã Đồng Xòai
1	Vốn phân cấp			14.000	14.000		
	<i>Trong đó</i>						
a	<i>Đầu tư cho giáo dục và dạy nghề</i>			750	750		
b	<i>Đầu tư cho khoa học và công nghệ</i>			300	300		
2	Thu tiền sử dụng đất			39.795	39.795		
II	THỊ XÃ BÌNH LONG			23.800	23.800		UBND thị xã Bình Long
1	Vốn phân cấp			13.600	13.600		
	<i>Trong đó</i>						
a	<i>Đầu tư cho giáo dục và dạy nghề</i>			750	750		
b	<i>Đầu tư cho khoa học và công nghệ</i>			300	300		
2	Thu tiền sử dụng đất			10.200	10.200		
III	THỊ XÃ PHƯỚC LONG			18.000	18.000		UBND thị xã Phước Long
1	Vốn phân cấp			12.000	12.000		
	<i>Trong đó</i>						
a	<i>Đầu tư cho giáo dục và dạy nghề</i>			750	750		
b	<i>Đầu tư cho khoa học và công nghệ</i>			300	300		

STT	DANH MỤC	Số, ngày, tháng, năm QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH 2012			CHỦ ĐẦU TƯ
				TỔNG CỘNG	Trong đó		
					Vốn XDCB tập trung	Thu từ XSKT	
2	Thu tiền sử dụng đất						
IV	HUYỆN ĐỒNG PHÚ			6.000	6.000		
1	Vốn phân cấp			25.215	25.215		UBND huyện Đồng Phú
	Trong đó			14.000	14.000		
a	Đầu tư cho giáo dục và dạy nghề						
b	Đầu tư cho khoa học và công nghệ			750	750		
2	Thu tiền sử dụng đất			300	300		
V	HUYỆN BÙ ĐĂNG			11.215	11.215		
1	Vốn phân cấp			20.800	20.800		UBND huyện Bù Đăng
	Trong đó			14.800	14.800		
a	Đầu tư cho giáo dục và dạy nghề						
b	Đầu tư cho khoa học và công nghệ			750	750		
2	Thu tiền sử dụng đất			300	300		
VI	HUYỆN BÙ GIA MẬP			6.000	6.000		
1	Vốn phân cấp			21.500	21.500		UBND huyện Bù Gia Mập
	Trong đó			15.500	15.500		
a	Đầu tư cho giáo dục và dạy nghề						
b	Đầu tư cho khoa học và công nghệ			750	750		
2	Thu tiền sử dụng đất			300	300		
VII	HUYỆN CHƠN THÀNH			6.000	6.000		
1	Vốn phân cấp			28.040	28.040		UBND huyện Chơn Thành
	Trong đó			11.000	11.000		
a	Đầu tư cho giáo dục và dạy nghề						
b	Đầu tư cho khoa học và công nghệ			750	750		
2	Thu tiền sử dụng đất			300	300		
				17.040	17.040		

STT	DANH MỤC	Số, ngày, tháng, năm QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH 2012			CHỦ ĐẦU TƯ
				TỔNG CỘNG	Trong đó		
					Vốn XDCB tập trung	Thu từ XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
VIII	HUYỆN HÓN QUẢN			19.700	19.700		UBND huyện Hón Quản
1	Vốn phân cấp			10.700	10.700		
	<i>Trong đó</i>						
<i>a</i>	<i>Đầu tư cho giáo dục và dạy nghề</i>			750	750		
<i>b</i>	<i>Đầu tư cho khoa học và công nghệ</i>			300	300		
2	Thu tiền sử dụng đất			9.000	9.000		
IX	HUYỆN LỘC NINH			19.000	19.000		UBND huyện Lộc Ninh
1	Vốn phân cấp			13.900	13.900		
	<i>Trong đó</i>						
<i>a</i>	<i>Đầu tư cho giáo dục và dạy nghề</i>			750	750		
<i>b</i>	<i>Đầu tư cho khoa học và công nghệ</i>			300	300		
2	Thu tiền sử dụng đất			5.100	5.100		
X	HUYỆN BÙ ĐÓP			15.300	15.300		UBND huyện Bù Đốp
1	Vốn phân cấp			10.500	10.500		
	<i>Trong đó</i>						
<i>a</i>	<i>Đầu tư cho giáo dục và dạy nghề</i>			750	750		
<i>b</i>	<i>Đầu tư cho khoa học và công nghệ</i>			300	300		
2	Thu tiền sử dụng đất			4.800	4.800		